

Số: 1946/2022/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Căn cứ Quyết định nhập vụ án dân sự số 04/2008/QĐST-NVA ngày 04/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/3/2021, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Hiện nay trên phần đất tranh chấp có căn nhà cấp 4, có số nhà G P, phường P, Quận G, căn nhà này do bà Nguyễn Thị Hoàng M xây dựng. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 16/9/2008 không thể hiện việc đo vẽ hiện trạng phần xây dựng căn nhà. Nay ông đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành đo vẽ hiện trạng phần xây dựng nhà để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông sẽ nộp tạm ứng chi phí đo vẽ hiện trạng.

Ngày 29/8/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 11487/TB-TA có nội dung: Thông báo cho ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị H1, trong thời hạn 15 ngày làm việc phải đến Phòng thủ quỹ - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nộp số tiền tạm ứng chi phí đo vẽ hiện trạng và xem xét thẩm định tại chỗ là 12.348.357 đồng. Hết thời hạn nêu trên, nếu ông H không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà không có lý do chính đáng thì Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/9/2022, Văn phòng T3, lập biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu (về việc giao văn bản trực tiếp) thông báo nêu trên cho ông Nguyễn Văn H là người nhận.

Xét thấy: ngày 06/9/2022, Văn phòng T3 đã tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 11487/TB-TA cho ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị H1. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo nêu trên, đến nay ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị H1 không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo thông báo của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đỗ Thị H1 không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Đỗ Thị H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phí, chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị H1 phải chịu phí, chi phí ủy thác tư pháp, chi phí lập bản vẽ hiện trạng, chi phí định giá theo quy định tại Điều 153; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng X có đơn khởi kiện, đã được Văn phòng T3 tổng đạt triệu tập đến lần thứ hai, cụ thể: ngày 10/10/2022 và ngày 31/10/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện (phản tố) của bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hoàng X được quyền khởi kiện lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Sung công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Hoàng X theo quy định tại khoản 2 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 643/2008/TLST-DS ngày 20/11/2008, về việc “Tranh chấp thừa kế” giữa:

1.1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1956

Địa chỉ: 8 P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952

Địa chỉ: 8 P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng X, sinh năm 1941

Địa chỉ: 7 P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1959

Địa chỉ: H P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1967

1.3.3. Ông Nguyễn Tấn H2, sinh năm 1976

1.3.4. Ông Nguyễn Tấn N1, sinh năm 1978

1.3.5. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1981

1.3.6. Ông Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1984

1.3.7. Bà Nguyễn Thị Hồng N2, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: G P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.8. Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1970

Địa chỉ: G H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.9. Bà Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1972

Địa chỉ: 1 G, phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.10. Bà Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1971

Địa chỉ: 7 P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.11. Ông Nguyễn Văn Hùng C

1.3.12. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1970

Cùng đại chỉ: 1512 H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.13. Ông Nguyễn Mạnh C1, sinh năm 1963

Địa chỉ: H Eden Farm Cir W MD 21157.2932 USA.

1.3.14. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1961

1.3.15. Bà Đào Thị L1

1.3.16. Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: C NE B Ave F OR 97024 USA.

1.3.17. Bà Nguyễn Thị Phương L2, sinh năm 1965

Địa chỉ: 2555 SE. HWY Hillsboro, OR 97123 USA.

1.3.18. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952

Địa chỉ: 8 Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.19. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1980

1.3.20. Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: 8 Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.21. Ông Lê Ngọc L3, sinh năm 1977

1.3.22. Bà Nguyễn Thị Thanh S1, sinh năm 1979

Cùng tạm trú: 87/5 Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.23. Ông Võ Ngọc K, sinh năm 1962

1.3.24. Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: 7 Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự:

2.1. Nguyên đơn bà Đỗ Thị H1 không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung trong vụ án này, nếu việc khởi kiện vụ án không có gì khác về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

2.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng X được quyền khởi kiện lại vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện (phản tố), khi có yêu cầu.

2.3. Về phí, chi phí tố tụng:

2.3.1. Phí ủy thác tư pháp: Bà Đỗ Thị H1 chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền nộp theo Biên lai thu số 0002299 ngày 28/7/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ)

2.3.2. Chi phí ủy thác tư pháp, chi phí lập bản vẽ hiện trạng, chi phí định giá: Bà Đỗ Thị H1 chịu (đã nộp đủ).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Hoàn trả cho Đỗ Thị H1 số tiền 4.275.000đ (bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 007978 ngày 31/10/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Sung công quỹ nhà nước số tiền 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Hoàng X theo Biên lai thu số 007527 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPHCM;
- Cục THA dân sự TPHCM;
- Chi cục THA Quận 7;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Tường